

**CÔNG BỐ THÔNG TIN TRÊN CÔNG THÔNG TIN ĐIỆN TỬ CỦA ỦY BAN
CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC VÀ SỞ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN HÀ NỘI**

Kính gửi: - Ủy ban Chứng khoán Nhà nước.
- Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Công ty: Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin; Mã CK: VTM
Trụ sở chính: Đường Huỳnh Thúc Kháng, Phường Cẩm Đông, Thành phố
Cẩm Phả, Tỉnh Quảng Ninh.

Điện thoại: 0203.3862343

Fax: 0203.3864038

Người thực hiện công bố thông tin: **VŨ ĐỨC LONG**

Địa chỉ: Văn phòng Giám đốc - Công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ -
Vinacomin

Điện thoại (di động, cơ quan, nhà riêng): 0902108866

Fax: 0203.3864038

Loại thông tin công bố: 24h 72h Yêu cầu Bất thường Định kỳ

Nội dung thông tin công bố: **Báo cáo thường niên năm 2020**

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố.

* Tài liệu kèm theo:

- Báo cáo thường niên năm 2020,
số:314/BC-ĐĐTMM ngày 30/3/2021.

Ngày 30 tháng 3 năm 2021

Người thực hiện công bố thông tin



Vũ Đức Long

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN
CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ - VINACOMIN
Năm báo cáo: 2020

I. Thông tin chung

Biểu tượng công ty:

**Giấy chứng nhận đăng ký doanh
nghiệp cổ phần**

- Mã số doanh nghiệp: 5700477326.

Đăng ký lần đầu: ngày 22 tháng 12
năm 2013. Đăng ký thay đổi lần thứ:
5, ngày 31 tháng 12 năm 2015.



1. Tên công ty

Tên công ty viết bằng tiếng Việt: CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ- VINACOMIN

Tên công ty viết bằng tiếng nước ngoài: VINACOMIN-TRANSPORTATION AND MIER COMMUTING SERVICE JOINT STOCK COMPANY

Tên công ty viết tắt: ĐĐTMM

2. Địa chỉ trụ sở chính

Phố Huỳnh Thúc Kháng, phường Cẩm Đông, thành phố Cẩm Phà, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

- Điện thoại: 0333 862 343; Fax : 0333 864. 038

- Email : vpgd@tmcs.vn; Website : www.tmcs.vn

3. Vốn điều lệ

Vốn điều lệ: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

Mệnh giá cổ phần: 10.000 đồng

Mã cổ phiếu: VTM

4. Người đại diện theo pháp luật của công ty

Họ và tên: PHAN VĂN CƯỜNG Giới tính: Nam

Chức danh: Giám đốc

Sinh ngày: 24/01/1965

Dân tộc: Kinh Quốc tịch: Việt Nam

Số căn cước công dân: 022065001534 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/6/2018

Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú: Tổ 3. Khu 6B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam

5. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ tiền thân là Xí nghiệp Vận tải hành khách được thành lập ngày 01/01/1987 theo quyết định số 628 TCP/TCCB, là đơn vị trực thuộc Công ty Than Cẩm Phả.

Năm 2000, Xí nghiệp trực thuộc Công ty Vật tư Vận tải và xếp dỡ theo quyết định số 22/2000/QĐ-BCN ngày 05/4/2000 của Bộ Công nghiệp.

Ngày 01/01/2004 Xí nghiệp Vận tải và đưa đón thợ mỏ chuyển đổi thành Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ theo quyết định số 2910/QĐ-HĐQT ngày 23/12/2003 của HĐQT Tổng công ty Than Việt Nam, nay là Tập đoàn công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam. Công ty có 12 cổ đông, gồm Tập đoàn và 11 cổ đông là các công ty con của Tập đoàn.

Tháng 7/2011, Công ty đổi tên thành Công ty Cổ phần Vận tải và đưa đón thợ mỏ - Vinacomin và cơ cấu lại cổ đông. Theo đó, Công ty có 693 cổ đông, gồm Tập đoàn và 692 cổ đông khác là người lao động trong công ty.

Từ tháng 12/2011, Công ty trở thành công ty đại chúng theo công văn số 4033/UBCK-QLPH ngày 30/11/2011 của Ủy ban chứng khoán nhà nước.

Thực hiện sự chỉ đạo của Chủ tịch Hội đồng thành viên Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam tại Công văn số 3131/TKV-TCNS ngày 07/7/2015 về tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu Công ty cổ phần. Công ty đã tổ chức tiến hành các bước tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch. Đến ngày 31/12/2015, Sở Kế hoạch Đầu tư tỉnh Quảng Ninh đã cấp giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp công ty cổ phần thay đổi lần thứ 5 với số vốn điều lệ là 32.797.970.000 đồng.

Từ ngày 01/02/2016, toàn bộ cổ phiếu của Công ty được giao dịch trên sàn UPCOM của Sở GDCK Hà Nội và kết thúc quá trình thực hiện tăng vốn điều lệ và đăng ký giao dịch cổ phiếu của Công ty, cụ thể:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.279.797 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng) *ly*

6. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh

- Ngành nghề kinh doanh

TT	Tên ngành nghề
1	Vận tải hành khách đường bộ khác
2	Bảo dưỡng, sửa chữa ô tô và xe có động cơ khác
3	Bán phụ tùng và các bộ phận phụ trợ của ô tô và xe có động cơ khác
4	Khai thác và thu gom than cứng - Chế biến và kinh doanh than
5	Dịch vụ hỗ trợ liên quan đến quảng bá và tổ chức tua du lịch
6	Gia công cơ khí; xử lý và tráng phủ kim loại
7	Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác
8	Điều hành tua du lịch
9	Vận tải hàng hóa bằng đường bộ

- Địa bàn kinh doanh

Nhiệm vụ chính của Công ty là đưa đón công nhân các công ty khai thác, chế biến, kinh doanh than thuộc Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam vùng Cẩm Phả - Hạ Long - Uông Bí đi làm hàng ngày đảm bảo an toàn; đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất các mỏ và không ngừng nâng cao chất lượng phục vụ đưa đón công nhân. Ngoài ra, công ty còn thực hiện chuyên chở khách du lịch và sửa chữa thiết bị vận tải cho khách hàng.

7. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý

- Mô hình quản trị: Công ty được tổ chức theo mô hình công ty cổ phần, gồm: Đại hội đồng cổ đông - Hội đồng quản trị - Ban kiểm soát

- Cơ cấu quản lý: Giám đốc, các Phó giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng các phòng ban và Quản đốc các phân xưởng.

- Sơ đồ Tổ chức quản lý - Điều hành sản xuất của Công ty kèm theo.

8. Định hướng phát triển

- Các mục tiêu chủ yếu của Công ty

+ Đảm bảo an toàn trong tất cả các lĩnh vực SXKD, luôn chú trọng an toàn đưa đón công nhân. Nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh, hiệu lực quản lý và chất lượng phục vụ; xây dựng uy tín, thương hiệu của Công ty.

+ Bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cho các cổ đông; đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, đời sống cho CNCB trong Công ty vì sự phát triển ổn định, bền vững của Công ty.

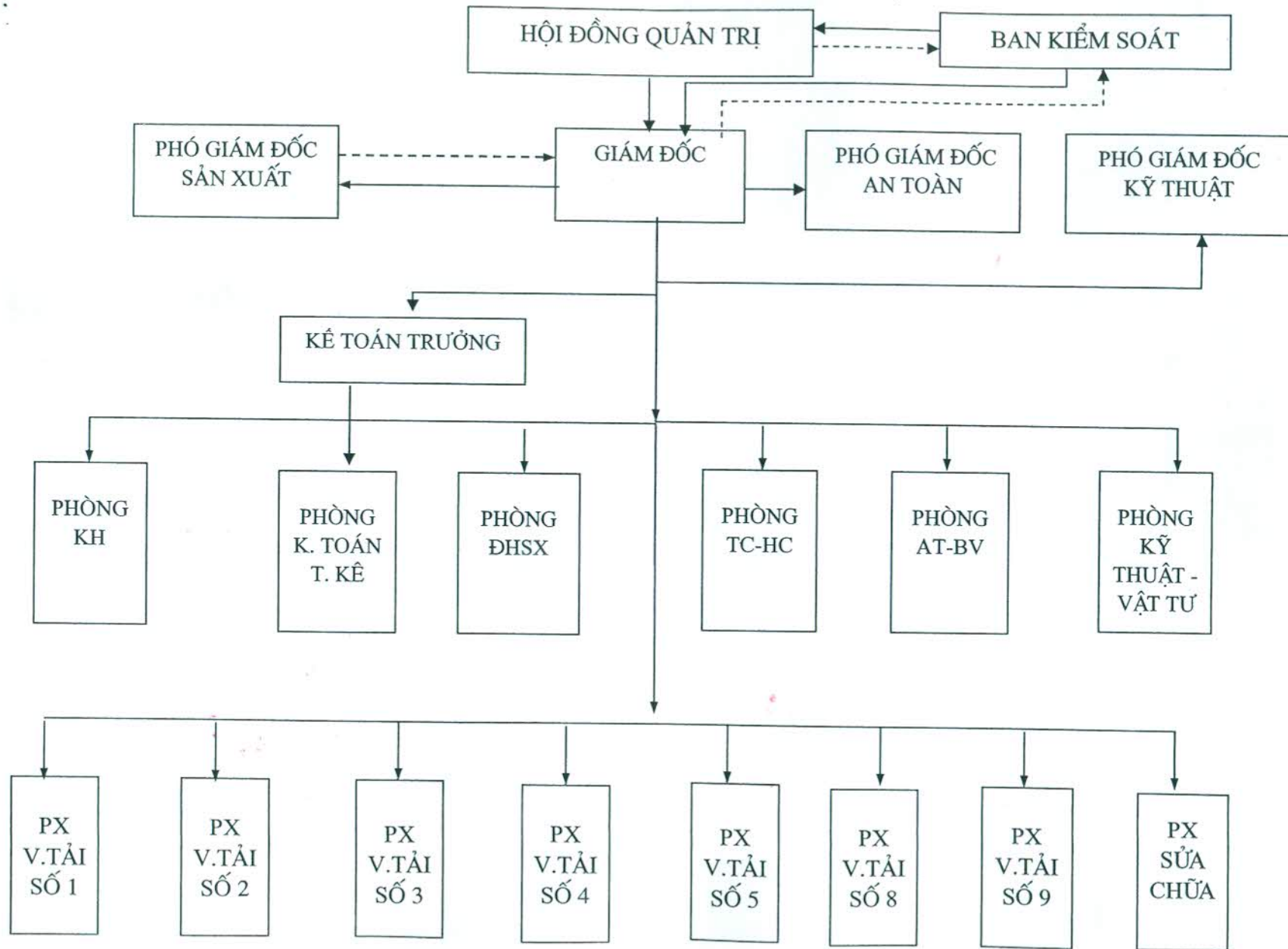
+ Thực hiện tốt các nghĩa vụ, các chính sách xã hội của Đảng và Nhà nước và của Tập đoàn.

- Chiến lược phát triển trung và dài hạn

+ Về sản xuất kinh doanh:

* Tăng trưởng, mở rộng, nâng cao chất lượng dịch vụ đưa đón công nhân, dịch vụ tham quan du lịch và sửa chữa thiết bị. Đầu tư xây dựng cơ sở vật chất tại khu vực Cẩm Phả - Hạ Long - Uông Bí để ổn định sản xuất lâu dài. Nghiên cứu sản xuất các sản

SƠ ĐỒ TỔ CHỨC QUẢN LÝ- ĐIỀU HÀNH SẢN XUẤT CÔNG TY CỔ PHẦN VẬN TẢI VÀ ĐƯA ĐÓN THỢ MỎ-VINACOMIN



11/11/2005

g

phẩm cơ khí; liên kết với các đối tác để khai thác hệ thống bến xe cũng như các thế mạnh của Công ty theo chiến lược phát triển của công ty đã đề ra trong lộ trình năm 2020-2025 và tầm nhìn đến năm 2030.

* Xây dựng đào tạo đội ngũ CBCNVC có trình độ kỹ thuật, chuyên môn nghiệp vụ, làm chủ được thiết bị công nghệ; có tác phong công nghiệp, có tư chất đạo đức tốt, với tinh thần kỷ luật và đồng tâm cùng nhau xây dựng công ty ngày càng phát triển bền vững. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty. Đổi mới, hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bố trí lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao

* Xây dựng nếp sống văn hoá trong doanh nghiệp, làm tốt công tác thi đua khen thưởng, phát động phong trào thi đua tại các đơn vị, tổ đội, tại các phân xưởng góp phần động viên khích lệ CNV hoàn thành tốt công việc được giao.

* Xây dựng mối quan hệ với các đơn vị trong vùng, trong ngành, trong nước để nắm bắt kịp thời những thành tựu khoa học áp dụng trong ngành vận tải ô tô và sửa chữa thiết bị xe trung xa; những thông tin về thị trường, sản phẩm và các thông tin liên quan đến chiến lược phát triển của Công ty để có phương án điều chỉnh kịp thời.

+ *Về tài chính:* Duy trì tình hình tài chính lành mạnh, ổn định đúng quy định. Tích cực tìm nguồn vốn đáp ứng nhu cầu phục vụ SXKD với chi phí hợp lý. Thực hiện công tác kiểm tra, giám sát các khoản thu chi tài chính, các nghĩa vụ thu, nộp, thanh toán nợ; việc quản lý, sử dụng tài sản và các nguồn hình thành tài sản. Theo dõi và tăng cường quan hệ đối chiếu công nợ với các đơn vị khách hàng và các ngân hàng để có đủ tài chính phục vụ sản xuất. Theo dõi và cân đối tài chính để thanh toán cho các đối tượng phải trả.

+ *Về đời sống của CBCNV:* Đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện đời sống tinh thần vật chất của người lao động. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, của cấp trên về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN, khám sức khỏe định kỳ cho CNLĐ theo quy định. Duy trì cơ chế trả lương gắn với chất lượng sản phẩm dịch vụ và hiệu quả công việc; đảm bảo sự công bằng công khai khuyến khích người lao động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

- Các mục tiêu phát triển bền vững

+ Tiếp tục nâng cao năng lực quản trị doanh nghiệp, phát huy tinh thần đổi mới và sáng tạo trong bộ máy lãnh đạo, quản lý, tiếp tục kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý của Công ty. Thực hiện tốt chiến lược phát triển Công ty năm 2020-2025 tầm nhìn đến năm 2030. Thực hiện tốt công tác tuyển dụng và đào tạo đảm bảo chất lượng, phù hợp yêu cầu cho quản lý, sản xuất và kinh doanh, phù hợp với điều kiện công việc của các đối tượng tham gia, với mục tiêu không ngừng nâng cao chất lượng nguồn nhân lực. Tiếp tục rà soát sửa đổi bổ sung hệ thống quy chế, quy định và quản lý nội bộ. Nâng cao tính chuyên nghiệp và hiệu quả trong mọi hoạt động của Công ty.

+ Trên cơ sở phân tích chính sách vĩ mô của Chính phủ, kế hoạch phối hợp kinh doanh ký với Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam và diễn biến của thị trường đặc biệt là thị trường vốn và tài chính; xây dựng và điều chỉnh linh hoạt kế hoạch SXKD đảm bảo an toàn hiệu quả và phát triển bền vững hài hòa với lợi ích xã hội, thân thiện với môi trường. Sử dụng hiệu quả các dự án đầu tư thiết bị, công

nghệ, các công trình xây dựng. Nghiên cứu, lựa chọn xây dựng kế hoạch đầu tư đáp ứng yêu cầu SX của Công ty giai đoạn tiếp theo.

+ Phát động các phong trào thi đua phấn đấu hoàn thành kế hoạch; phong trào tô xe máy giành năng suất cao, các hoạt động văn hoá thể thao nhằm động viên CBCNV năng động sáng tạo, tích cực ứng dụng tiến bộ KHKT vào sản xuất; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao, phấn đấu xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiệu quả vì sự phát triển bền vững của Công ty.

9. Các rủi ro

Trong hoạt động kinh doanh của mình, công ty có nguy cơ gặp các rủi ro như sau:

- Rủi ro thị trường
- Rủi ro tín dụng
- Rủi ro thanh khoản
- Rủi ro đặc thù
- Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán
- Rủi ro khác

Ban Giám đốc chịu trách nhiệm chung đối với việc thiết lập và giám sát nguyên tắc quản lý rủi ro. Ban Giám đốc thiết lập các chính sách nhằm phát hiện và phân tích các rủi ro mà công ty phải chịu, thiết lập các biện pháp kiểm soát rủi ro và các hạn mức rủi ro thích hợp, và giám sát các rủi ro và việc thực hiện các hạn mức rủi ro. Hệ thống và chính sách quản lý rủi ro được xem xét lại định kỳ nhằm phản ánh những thay đổi của các điều kiện thị trường và hoạt động của công ty.

- **Rủi ro thị trường:** Rủi ro thị trường bao gồm 3 loại rủi ro: rủi ro tiền tệ, rủi ro lãi suất và rủi ro giá. Mục tiêu của việc quản lý rủi ro thị trường là quản lý và kiểm soát mức độ rủi ro trong giới hạn chấp nhận được, trong khi vẫn tối đa hóa lợi nhuận.

+ *Rủi ro tiền tệ:* Rủi ro về tiền tệ là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về tỷ giá. Công ty gần như không bị ảnh hưởng của rủi ro ngoại tệ do giá trị tài sản của công ty không có gốc ngoại tệ.

+ *Rủi ro lãi suất:* Rủi ro về lãi suất là rủi ro mà giá trị hợp lý hoặc lưu chuyển tiền tệ của một công cụ tài chính sẽ biến động theo những thay đổi về lãi suất. Rủi ro này của công ty chủ yếu liên quan đến các khoản vay ngắn hạn với lãi suất thả nổi.

+ Rủi ro giá: Rủi ro về giá chủ yếu mà công ty phải đối mặt là giảm giá dịch vụ vận chuyển do giá nhiên liệu giảm.

- **Rủi ro tín dụng:** Rủi ro tín dụng là rủi ro công ty bị thiệt hại về tài chính nếu một khách hàng hoặc một đối tác/chủ đầu tư của công ty không thể thực hiện các nghĩa vụ theo hợp đồng của họ, và rủi ro này phát sinh chủ yếu từ các khoản phải thu khách hàng của công ty.

- **Rủi ro thanh khoản:** Rủi ro thanh khoản là rủi ro công ty sẽ gặp khó khăn và không thể thực hiện các nghĩa vụ liên quan đến các khoản nợ tài chính. Chính sách của công ty là thường xuyên giám sát các yêu cầu thanh khoản hiện tại và tương lai nhằm đảm bảo công ty có thể duy trì dự trữ tiền mặt đầy đủ để có thể đáp ứng các yêu cầu thanh khoản trong ngắn hạn và trung hạn. Việc nắm giữ tiền mặt của công ty và

luồng lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động được cho là đầy đủ để có thể thanh toán các khoản nợ đến hạn trong năm tài chính tới của công ty.

- **Rủi ro đặc thù:** Ngành nghề chính của công ty cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomim là hoạt động kinh doanh vận chuyển đưa đón công nhân các đơn vị trong Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam đi làm hàng ngày. Bên cạnh đó, do Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam vừa là cổ đông lớn (nắm giữ 95,24% vốn điều lệ), vừa là khách hàng lớn và cũng là nhà cung cấp của Công ty. Hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng bị ảnh hưởng từ kết quả hoạt động của ngành than như việc các mỏ giảm sản lượng khai thác tiêu thụ than dẫn tới giảm đưa đón công nhân đi làm, việc tái cơ cấu lao động dẫn tới giảm số lượng lao động tại các mỏ, việc các mỏ chậm thanh toán tiền dịch vụ đưa đón công nhân cũng gây khó khăn về tài chính của Công ty. Như vậy, ngoài những rủi ro của ngành vận tải, Công ty phải chịu thêm những rủi ro trên của ngành than.

- **Rủi ro biến động giá trên thị trường chứng khoán:** Cổ phiếu của Công ty đăng ký giao dịch trên Sở giao dịch chứng khoán Hà Nội, giá cổ phiếu của Công ty sẽ là một phần cấu tạo nên và do đó chịu ảnh hưởng của sự biến động chung của thị trường chứng khoán Việt Nam, và rộng hơn là tình hình chung của thị trường chứng khoán thế giới. Trong ngắn hạn, giá cả của cổ phiếu ít chịu ảnh hưởng của các biến số như tình trạng nền kinh tế hay doanh thu của công ty mà sẽ được quyết định bởi quy luật cung - cầu, tâm lý của nhà đầu tư và thậm chí cả những yếu tố phi kinh tế khác. Đây là những biến số ngẫu nhiên, thiếu tính ổn định và khó có thể dự đoán trước, qua đó, chúng làm gia tăng rủi ro biến động giá cho nhà đầu tư.

- **Rủi ro khác:** Hoạt động kinh doanh của Công ty có thể chịu ảnh hưởng bởi những rủi ro khác như rủi ro do thiên tai, dịch bệnh, biến động lãi suất, sự ảnh hưởng những biến động chính trị, xã hội trên thế giới,... làm giảm lợi nhuận của Công ty hoặc làm cho các khách hàng truyền thống có thể bị giảm sút và các thị trường tiềm năng có thể mất ổn định. Những rủi ro này dù ít hay nhiều cũng sẽ có những tác động trực tiếp hoặc gián tiếp đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

II. Tình hình hoạt động trong năm

1. Hoạt động sản xuất kinh doanh

1.1 Tài chính:

ĐVT: VND

TT	Chỉ tiêu	Mã số	Năm 2019	Năm 2020
1	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	309.112.530.138	263.064.285.494
2	Các khoản giảm trừ doanh thu	02	0	0
3	Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10	309.112.530.138	263.064.285.494
4	Giá vốn hàng bán	11	268.518.357.586	219.268.315.771
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20	40.594.172.552	43.793.473.334
6	Doanh thu hoạt động tài chính	21	14.673.496	6.389.297
7	Chi phí hoạt động tài chính	22	2.140.688.490	3.605.877.107

	- Trong đó: Chi phí lãi vay	23	2.140.688.490	3.605.877.107
8	Chi phí bán hàng	25	0	0
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	33.797.085.821	35.825.948.180
10	Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30	4.671.071.737	4.368.037.344
11	Thu nhập khác	31	848.461.939	816.182.336
12	Chi phí khác	32	66.938.156	4.578.842
13	Lợi nhuận khác	40	781.523.783	811.603.494
14	Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50	5.452.595.520	5.179.640.838
15	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	1.125.392.695	1.060.354.168
16	Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52	0	0
17	Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60	4.327.202.825	4.119.286.670
18	Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	1.319	1.256

1.2. Thực hiện kế hoạch SXKD

TT	CÁC CHỈ TIÊU	ĐVT	KH NĂM 2020	TH NĂM 2020	So sánh (%)	
					KH 2020	Thực hiện năm 2019
I	Sản lượng					
1	Vận chuyển CN					
	Theo vé	Vé	5.300.000	5.335.259	100,7	90,2
	Theo Tkm	Tkm	28.000.000	26.441.922	94,4	91,9
II	Doanh thu	Tr đ	294.000	264.040	89,8	85,1
1	Vận chuyển CN	Tr đ	284.500	247.678	87,1	84,2
2	Sửa chữa	Tr đ	8.000	14.182	177,3	103
3	Thu khác	Tr đ	1.500	2.180	145,3	98,7
III	Chi phí	Tr đ	288.930	258.860	89,6	85,0
IV	Lợi nhuận TT	Tr đ	5.070	5.180	102,2	95,0
V	Lao động BQ	Người	807	770	95,4	91,7
VI	Tiền lương BQ	1000đ ng/th	8.819	8.321	94,4	95,2

Năm 2020, do ảnh hưởng của dịch Covid-19, biến đổi khí hậu, thời tiết cực đoan gây bão lũ sạt lở đất; giá các loại khoáng sản biến động, nhu cầu sử dụng năng lượng giảm ảnh hưởng trực tiếp đến đời sống, kinh tế-xã hội cũng như gây khó khăn

cho các đơn vị thành viên Tập đoàn. Đối với Công ty, trong năm ngoài những khó khăn chung còn gặp một số khó khăn như: Các đơn vị trong Tập đoàn tiếp tục tái cơ cấu lao động, một số mỏ chào giá thuê đơn vị ngoài Tập đoàn tham gia đưa đón công nhân dẫn đến sản lượng, doanh thu giảm so với kế hoạch năm và cùng kỳ 2019; giá vận chuyển giảm do giảm giá nhiên liệu; phát sinh chi phí phòng chống dịch Covid-19. Tuy nhiên, Công ty đã có các biện pháp chỉ đạo quyết liệt trong tổ chức, điều hành sản xuất, quản trị nội bộ, tiết kiệm chi phí, nâng cao hiệu quả SXKD. Tổ chức sản xuất đảm bảo an toàn, an ninh trật tự. Giữ vững an toàn về tài sản, về vốn và con người. Quản trị doanh nghiệp hiệu quả; bảo toàn phát triển vốn Chủ sở hữu; đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cổ đông, góp phần cùng Tập đoàn thực hiện tốt mục tiêu kép "Vừa phòng chống dịch-Vừa đảm bảo SXKD".

2. Tổ chức - Nhân sự

- Danh sách ban điều hành:

T T	Họ và tên	Năm sinh	Nghề nghiệp	Chức vụ	Trú quán	Số CP sở hữu
1	Ông: Phan Văn Cường	24/01/1965	Kỹ sư ô tô máy kéo	Giám đốc	Tổ 3. Khu 6B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam	1.073
2	Ông: Lương Văn Hiểu	06/10/1963	Kỹ sư Cơ khí ô tô	Phó GD	Tổ 5, khu Tân Lập 4, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.073
3	Ông: Hoàng Minh Sơn	28/7/1971	Kỹ sư Cơ khí ô tô	Phó GD	Tổ 5, Hoà Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.	1.073
3	Ông: Vũ Mạnh Dũng	25/12/1972	Kỹ sư Cơ khí ô tô	Phó GD	Số nhà 64, đường Nguyễn Thượng Hiền, tổ 5, khu 4, phường Hồng Hà, TP Hạ Long-Quảng Ninh	292
4	Ông: Đỗ Thanh Tùng	16/11/1979	Cử nhân Kinh tế	Kế toán trưởng	Tổ 7, khu Tân Lập 4, phường Cẩm Thủy, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh	0

- **Những thay đổi trong ban điều hành:** Năm 2020 Công ty không có sự thay đổi trong ban điều hành.

- **Số lượng cán bộ nhân viên, chính sách đối với người lao động**

+ Lao động bình quân là 770 người, Công ty không có hợp đồng lao động ngắn hạn.

+ Chính sách đối với người lao động: *ly*

* Chế độ đối với người lao động được thực hiện theo đúng các qui định của Nhà nước, của Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Sửa đổi bổ sung ban hành các quy định về quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm; trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

* Về tiền lương: Hiện nay, Công ty đang áp dụng quy chế quản lý LĐTL và thu nhập theo các văn bản của Nhà nước và của Tập đoàn, trả lương theo doanh thu, khoán sản phẩm theo khối lượng, chất lượng công việc hoàn thành.

* Về công tác đào tạo: Với mục tiêu hướng đến kỹ năng chuyên môn hoá cao trong tất cả các bộ phận công tác, công ty luôn khuyến khích người lao động nâng cao năng lực nghiệp vụ, chuyên môn để đảm bảo hoàn thành nhiệm vụ tốt nhất; trong thời gian qua, Công ty đã hỗ trợ kinh phí đào tạo cho CBCNV trong việc học tập nâng cao nghiệp vụ, kỹ thuật. Trong thời gian tới, Công ty tiếp tục tổ chức các lớp học, thi nâng cao tay nghề CNVC, tạo phong trào học tập đi đôi với sáng tạo trong lao động sản xuất, phục vụ tốt cho mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty.

* Về chính sách khen thưởng: Để khuyến khích người lao động, Công ty ban hành quy chế thi đua khen thưởng, định kỳ tổ chức xét duyệt phong trào thi đua và có các phần thưởng xứng đáng với cá nhân, tập thể có thành tích đóng góp trong LĐSX. Bên cạnh đó công ty cũng áp dụng các quy định xử lý kỷ luật đối với các hành vi vi phạm các qui định gây ảnh hưởng xấu đến hoạt động, thương hiệu của Công ty.

* Công tác đời sống đối với CBCNV: Công ty luôn quan tâm, đảm bảo đủ việc làm ổn định thu nhập cho người lao động theo đúng quy định. Trợ cấp khó khăn cho cán bộ công nhân viên có hoàn cảnh khó khăn thường xuyên, kịp thời, đúng đối tượng. Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất trực tiếp, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động.

3. Về đầu tư, thực hiện các dự án

a) Các khoản đầu tư lớn. *Thực hiện kế hoạch Đầu tư-Xây dựng năm 2020*

T	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	KH (Tr. đ)	TH (Tr. đ)
A	KẾ HOẠCH 2020			86.508	77.028
I	CÔNG TRÌNH CHUYÊN TIẾP			26.248	21.516
	Dự án nhóm C				
1	Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2019 (10 xe giai đoạn 2)	Chiếc	10	26.248	21.516
II	CÔNG TRÌNH KHỞI CÔNG MỚI			60.260	55.512
	Dự án nhóm C				
1	Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2020	Chiếc	20	57.230	55.512
2	Đầu tư xây dựng vật thể kiến trúc khu vực Khe Ngát-TP Uông Bí năm 2020	m2	450-550	3.030	0

B	CHUẨN BỊ DỰ ÁN			60	
	Dự án nhóm C				
1	Dự án: Hệ thống bến xe công nhân trên đường Lê Thanh Nghị, TP Cẩm Phả			60	0
	Tổng giá trị (A+B)			86.586	77.028

Trong năm 2020, Công ty thực hiện các dự án đầu tư được ghi trong KHĐT năm 2020 đảm bảo chất lượng, tiến độ đáp ứng kịp thời cho sản xuất.

Trong quá trình thực hiện dự án như: Lập dự án, Quản lý dự án, lập, phê duyệt HSMT, đăng tải, mở thầu, xét thầu và phê duyệt kết quả đấu thầu, ký kết thực hiện hợp đồng... được công ty thực hiện đúng theo pháp luật hiện hành và các văn bản hướng dẫn về quản lý đầu tư xây dựng của Tập đoàn và của Nhà nước.

Năm 2020, giá trị đầu tư thực hiện (tăng tài sản): 38,915 tỷ đồng.

b) Các công ty con, công ty liên kết: Công ty không có các công ty con, công ty liên kết

4. Tình hình tài chính

a) Về tài chính

Chỉ tiêu	Năm 2019 (đồng)	Năm 2020 (đồng)	% tăng (+) giảm (-)
* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng			
Tổng giá trị tài sản	121.417.416.996	155.339.222.693	27,94
Doanh thu thuần	309.112.530.138	263.064.285.494	(14,89)
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	4.671.071.737	4.368.037.344	(6,49)
Lợi nhuận khác	781.523.783	811.603.494	3,84
Lợi nhuận trước thuế	5.452.595.520	5.179.640.838	(5,00)
Lợi nhuận sau thuế	4.327.202.825	4.119.286.670	(4,80)
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức (%)	6	4	

b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

STT	Chỉ tiêu	Năm 2019	Năm 2020	Ghi chú
1	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán			
	- Hệ số thanh toán ngắn hạn:			
	TS ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	0,80	0,60	
	- Hệ số thanh toán nhanh:			
	TS ngắn hạn-Hàng tồn kho	0,70	0,50	

Nợ ngắn hạn				
2	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn			
	- Hệ số Nợ/ Tổng tài sản	0,68	0,74	
	- Hệ số Nợ/ Vốn chủ sở hữu	2,08	2,89	
3	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động			
	- Vòng quay hàng tồn kho:			
	<u>Giá vốn hàng bán</u>			
	Hàng tồn kho bình quân	53,19	38,96	
	- Doanh thu thuần/Tổng tài sản	2,55	1,69	
4	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời			
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	0,014	0,015	
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Vốn chủ sở hữu	0,109	0,103	
	- Hệ số lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	0,035	0,026	
	- Hệ số lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Doanh thu thuần	0,015	0,016	

Thực hiện đầy đủ chính sách thuế với Nhà nước, các chế độ chi trả BHXH, BHYT, KPCĐ,... liên quan tới người lao động. Duy trì thực hiện tốt đối chiếu và thanh toán công nợ, đến nay không có trường hợp nợ khó đòi. Năm 2020 đã nộp ngân sách với Nhà nước 10,986 tỷ đồng.

5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

a) Cổ phần:

- Tổng số lượng cổ phiếu đăng ký giao dịch: 3.279.797 cổ phiếu
- Tổng giá trị cổ phiếu đăng ký giao dịch: 32.797.970.000 đồng (Ba mươi hai tỷ, bảy trăm chín mươi bảy triệu, chín trăm bảy mươi nghìn đồng)

b) Cơ cấu cổ đông:

TT	Tên cổ đông	Phần vốn góp (đồng)	Tỷ lệ (%)	Số lượng cổ phiếu
1	Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam	31.238.090.000	95,24	3.123.809
2	Người lao động trong Công ty	1.559.880.000	4,76	155.988
	Cộng	32.797.970.000	100	3.279.797

c) Tình hình thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:

d) Giao dịch cổ phiếu quỹ:

e) Các chứng khoán khác:

6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội

6.1. Quản lý nguồn nguyên vật liệu: *ly*

a). Tổng lượng nguyên vật liệu được sử dụng để sản xuất và đóng gói các sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức trong năm.

- Dầu diesel : 3.835.000 lít
- Dầu nhớt : 48.032 lít
- Mỡ máy : 15.214 Kg
- Săm lốp : 983 bộ
- Bình điện : 114 bình
- Chi phí vật tư: 112.454.100.000 đồng

b) Báo cáo phần trăm tỷ lệ nguyên vật liệu được tái chế được sử dụng để sản xuất sản phẩm và dịch vụ chính của tổ chức: Không

6.2. Tiêu thụ năng lượng: Năng lượng tiêu thụ của Công ty chủ yếu là dầu diesel phục vụ cho công tác vận hành các thiết bị vận tải (chuyên chở công nhân và vận chuyển hàng hóa). Ngoài ra còn một số thiết bị cơ điện tiêu thụ điện năng (văn phòng, hệ thống chiếu sáng và điều hòa nhiệt độ; sản xuất, máy công cụ...)

- Năng lượng tiết kiệm được thông qua các sáng kiến sử dụng năng lượng hiệu quả, như: Thay thế thiết bị điện cũ bằng thiết bị mới có nhãn dán tiết kiệm năng lượng. Ban hành qui định sử dụng máy điều hòa, giới hạn nhiệt độ điều hòa (chỉ sử dụng điều hòa từ 25-27 độ). Tận dụng ánh sáng tự nhiên nhờ việc dùng tấm lợp lấy ánh sáng mái nhà xưởng Công ty. Giao tiết kiệm điện 10% cho từng đơn vị sản xuất.

- Lượng điện tiêu thụ trong năm 2020 là: 420.323 KWh

6.3. Tiêu thụ nước:

a) Nguồn cung cấp nước và lượng nước sử dụng: Nguồn cung cấp nước phục vụ cho sinh hoạt và công nghiệp là nguồn nước do xí nghiệp nước Cẩm Phả, Hạ Long, Uông bí.

Lượng nước sử dụng trong năm 2020 là: 25.065 m³.

b) Tỷ lệ phần trăm và tổng lượng nước tái chế và sử dụng: Công ty có hệ thống trạm xử lý nước thải của Công ty Môi trường -TKV, sau khi xử lý được tận dụng vệ sinh gầm xe.

6.4. Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường (Tiêu thụ nước, năng lượng, phát thải...):

Công ty hàng năm đều có kết quả quan trắc môi trường 2 lần/năm, các chỉ tiêu đều đạt chuẩn cho phép.

6.5. Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

a) Số lần bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không

b) Tổng số tiền do bị xử phạt vi phạm do không tuân thủ pháp luật và các quy định về môi trường: Không.

c) Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty có báo cáo đầy đủ theo qui định. *ly*

6.6. Chính sách liên quan đến người lao động:

Chính sách liên quan đến người lao động:

a) Số lượng lao động bình quân: 770 người; mức lương trung bình: 8.321.000 đ/người/tháng

b) Thường xuyên duy trì và có nhiều biện pháp cải thiện điều kiện cơ sở vật chất tại nơi làm việc cho người lao động như: Hệ thống nhà xưởng khu Điều hành vùng Uông Bí, Hạ long và các thiết bị phục vụ ăn ở cho công nhân ... Đồng thời tổ chức tốt các hoạt động xã hội theo chủ trương của ngành than cũng như của địa phương như: Các hoạt động trợ giúp gia đình công nhân xây dựng nhà ở, chăm lo và giải quyết giúp đỡ các gia đình công nhân khó khăn, ốm đau. Tổ chức các hình thức tham quan du lịch và nghỉ điều dưỡng sức khoẻ cho người lao động theo chế độ. Vận động cán bộ công nhân viên chức đóng góp ủng hộ các quỹ của Công ty, ngành than và tỉnh Quảng Ninh và làm từ thiện với các tổ chức xã hội trong và ngoài tỉnh cũng như các phường trên địa bàn. Ngoài ra Công ty còn duy trì tốt các hoạt động văn hoá, văn nghệ, thể dục thể thao nội bộ và tham gia các giải phong trào, hoạt động do Tập đoàn TKV tổ chức. Tổ chức các hoạt động giao lưu văn hoá, văn nghệ, thể thao với các phường xã, doanh nghiệp trên địa bàn. Thống nhất chỉ đạo phong trào thi đua lao động sản xuất trong toàn công ty. Điển hình như các phong trào thi đua hoàn thành kế hoạch năm; phong trào thi đua dành năng suất cao, phong trào thi đua chào mừng kỷ niệm các ngày lễ lớn trong năm được phát động và duy trì thường xuyên hàng tháng, hàng quý. Qua các đợt thi đua đã nâng cao hiệu quả quản lý, tăng năng suất lao động và thực hiện tốt các mục tiêu công trình trọng điểm của Công ty trong năm. Tổ chức phát động các đợt thi đua tuần lễ quốc gia về An toàn- Vệ sinh lao động- Phòng chống cháy nổ, các hoạt động bảo vệ môi trường, duy trì phối hợp công tác tự quản an ninh trật tự xã hội trên địa bàn. Các hoạt động trên cũng đã góp phần tích cực vào kết quả hoàn thành xuất sắc các chỉ tiêu thi đua của Công ty trong phong trào thi đua do Tập đoàn TKV phát động, chỉ đạo thực hiện. Thực hiện Cuộc vận động " Người Việt Nam ưu tiên dùng hàng Việt Nam". Công ty đã ký kết thực hiện các hợp đồng mua vật tư nguyên, nhiên vật liệu phục vụ sản xuất đúng quy định pháp luật và theo dẫn của TKV với giá cả cạnh tranh, đảm bảo chất lượng, thời gian cung cấp; ưu tiên mua các mặt hàng các đơn vị trong TKV sản xuất và hàng hoá có xuất xứ trong nước.

c) Hoạt động đào tạo người lao động

- Huấn luyện cho mạng lưới ATVSLĐ năm 2020 được 51/51 người.


Triển khai tổ chức thực hiện huấn luyện công tác ATVSLĐ:

- Đối tượng nhóm 1 huấn luyện định kỳ: 21 người

- Đối tượng nhóm 2 huấn luyện định kỳ: 15 người

- Đối tượng nhóm 3 huấn luyện định kỳ: 69 người

- Tập huấn và cấp chứng chỉ Giảng viên ATVSLĐ: 10 người

Ngoài ra, Công ty còn mở các lớp huấn luyện, kiểm tra cho công nhân các nghề đòi hỏi nghiêm ngặt về an toàn; huấn luyện cho mạng lưới an toàn vệ sinh viên, lực lượng phòng cháy, chữa cháy; tập huấn cho tổ trưởng tổ sản xuất nhằm nâng cao, bổ sung kiến thức quản lý trong công tác AT, VSLĐ, BHLĐ, PCCC. 

Công ty tiến hành mở các lớp bồi dưỡng, học tập lý thuyết, thi tay nghề nâng bậc cho công nhân lái xe và thợ các loại để nâng cao trình độ tay nghề cho người lao động. Kết quả 69 CNKT đạt yêu cầu được nâng bậc và chuyển ngạch, nâng bậc lương. Điều chỉnh lương mới cho 30 CBCNV.

6.7. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương

Tổ chức thăm hỏi gia đình gặp khó khăn và ủng hộ các tổ chức xã hội trên địa bàn, như: tặng quà cho các trường trên địa bàn vào các dịp khai giảng, trung thu và Ngày Nhà giáo Việt Nam, hỗ trợ cho các gia đình khó khăn của phường Cẩm Đông, Hội người mù Tỉnh, Hội chữ thập đỏ, quỹ bảo trợ trẻ em, thăm, tặng quà nạn nhân chất độc da cam em Trần Mạnh Quỳnh - phường Hồng Hải (Hạ Long) với số tiền 500.000 đồng/tháng.

Công ty tổ chức tưới nước dập bụi tại khu vực Bến xe Độc Lập ra đường cầu II đảm bảo 3 lần/ngày để đảm bảo môi trường khu dân cư.


6.8. Báo cáo liên quan đến hoạt động thị trường vốn xanh theo hướng dẫn của UBCKNN: Công ty có báo cáo đầy đủ theo quy định.

III. Báo cáo và đánh giá của Ban giám đốc

1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh

- Phân tích tổng quan về hoạt động của công ty so với kế hoạch

S T T	Chỉ tiêu	Kế hoạch năm 2020	Thực hiện năm 2020	Tỷ lệ % so với kế hoạch	Tỷ lệ % so với năm 2019
1	Giá trị sản xuất kinh doanh				
-	Vận chuyển công nhân				
	+ Theo vé	5.300.000	5.335.259	98,8	90,2
	+ Theo Tkm	28.000.000	26.441.922	97,9	91,8
2	Tổng doanh thu (Trđ)	294.000	264.040	97,8	85,1
3	Lợi nhuận trước thuế (Trđ)	5.070	5.180	101,6	95,0
4	Nộp ngân sách (Trđ)		10.986		16,1
5	Thu nhập BQ (đ/ng/tháng)	8.079	8.321	96,8	95,2
6	Đầu tư (Trđ)	86.508	77.028	89,0	274,5
7	Tỷ lệ chia cổ tức %	6	4	66,6	66,6

Trong năm, do ảnh hưởng của dịch Covid-19 và do các đơn vị trong Tập đoàn tiếp tục tái cơ cấu lao động, một số mỏ chào giá thuê đơn vị ngoài Tập đoàn tham gia đưa đón công nhân dẫn đến sản lượng, doanh thu giảm so với kế hoạch năm và cùng kỳ 2019; giá vận chuyển giảm do giảm giá nhiên liệu; phát sinh chi phí phòng chống dịch Covid-19. Trong đó, doanh thu vận chuyển công nhân của Công ty giảm hơn 46 tỷ đồng là do: 

- Các đơn vị trong Tập đoàn chào giá thuê ngoài vận chuyển công nhân: 15,650 tỷ đồng

- Giảm giá vận chuyển do giá nhiên liệu giảm: 28,200 tỷ đồng

- Giảm dịch vụ vận chuyển khách hàng ngoài Tập đoàn do dịch bệnh Covid-19: 2,950 tỷ đồng.

- Những tiến bộ công ty đã đạt được

+ Công tác kế hoạch, điều hành sản xuất: Đã hoạch định phương hướng sản xuất đúng đắn giữa các khâu trong quá trình sản xuất; đầu tư thiết bị phù hợp với điều kiện thực tế phục vụ đưa đón công nhân các mỏ, nâng cao chất lượng phục vụ, tạo nên dịch vụ tiên tiến, hiện đại. Công ty đã gắn mục tiêu hoàn thành kế hoạch với chất lượng dịch vụ và hiệu quả kinh tế, xây dựng cơ chế dân chủ công khai, bình đẳng giữa các đơn vị, từ đó phát huy tối đa nội lực phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ chung của Công ty.

+ Công tác Tổ chức- Quản lý:

Tổ chức, sắp xếp, các phân xưởng sản xuất phù hợp với yêu cầu sản xuất, nâng cao chất lượng quản lý, chất lượng lao động. Tinh giảm bộ máy, đào tạo và đào tạo lại đội ngũ cán bộ quản lý, điều hành sản xuất, lao động, phụ trợ; đồng thời có kế hoạch thu hút nguồn nhân lực chất lượng cao để phát triển Doanh nghiệp. Bổ sung, ban hành các Quy chế quản lý theo quy định của Tập đoàn và của Nhà nước phù hợp với thực tế của Công ty. Sáp nhập phòng TCLĐ và VPGĐ đổi tên thành phòng TC-HC; sáp nhập phòng An toàn và phòng BVQS đổi tên thành phòng AT-BV theo đúng hướng dẫn của Tập đoàn.

Đẩy mạnh đầu tư áp dụng KHCN trong LĐSX, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm dịch vụ. Duy trì sử dụng hiệu quả hệ thống giám sát hành trình GPS đối với xe chở công nhân, ứng dụng hệ thống GPS trong việc nghiệm thu sản lượng- chi phí. Rà soát chỉnh sửa bổ sung ban hành các định mức kinh tế kỹ thuật, giao tăng các chỉ tiêu tiết kiệm chi phí theo thực tế sản xuất.

+ Công tác lao động - tiền lương:

Chế độ đối với người lao động được thực hiện theo đúng các qui định của Nhà nước, của Tập đoàn và HĐQT Công ty về quản lý tiền lương và tiền thưởng phù hợp với điều kiện và tình hình cụ thể của Công ty. Ban hành các quy định về quản lý, sử dụng quỹ tiền lương, tiền thưởng cũng như qui định thanh toán lương, trả lương theo chỉ tiêu giao khoán đến từng đơn vị trong Công ty. Mọi sản phẩm đều có đơn giá, tiền lương và được gắn liền với số lượng, chất lượng sản phẩm; trả lương trực tiếp đến người lao động, đúng kỳ hạn.

Số lượng cán bộ Cán bộ công nhân viên: 770 lao động, không có lao động thời vụ. Công ty thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người lao động, đóng đầy đủ bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế cho người lao động, trang bị đầy đủ bảo hộ lao động cho công nhân sản xuất trực tiếp, chế độ nghỉ dưỡng sức, thăm hỏi động viên, cải thiện môi trường và điều kiện làm việc cho người lao động. Thực hiện nghiêm túc các văn bản của Tập đoàn về tăng cường quản lý công tác tuyển dụng, sử dụng và tái cơ cấu lực lượng lao động.

2. Tình hình tài chính

- Tình hình tài sản và nợ phải trả

STT	Chỉ tiêu	Năm 2020
1	Cơ cấu tài sản	
	- Tài sản dài hạn/Tổng tài sản	79,3%
	- Tài sản ngắn hạn/Tổng tài sản	20,7%
2	Cơ cấu nguồn vốn	
	- Nợ phải trả/Tổng nguồn vốn	74,34%
	- Nguồn vốn chủ sở hữu/Tổng nguồn vốn	25,66%
3	Khả năng thanh toán	
	- Tổng tài sản/Tổng nợ phải trả	1,35
	- Tổng TSLĐ và đầu tư ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	0,55
	- Tổng tiền và các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn/Tổng nợ ngắn hạn	0,008
4	Tỷ suất lợi nhuận	
	a) Lợi nhuận/doanh thu	
	- LN trước thuế/Doanh thu thuần+DT hoạt động tài chính+thu nhập khác	0,0196
	- LN sau thuế/Doanh thu thuần+ DT hoạt động tài chính+thu nhập khác	0,0156
	b) Lợi nhuận/Tổng tài sản	
	- LN trước thuế/Tổng tài sản	0,033
	- LN sau thuế/Tổng tài sản	0,026
	c) Lợi nhuận sau thuế/Nguồn vốn CSH	0,103

2. Công tác bảo toàn và phát triển vốn

- Tổng tài sản thời điểm 31/12/2020 là 155,339 tỷ đồng bằng 127,94 % so với đầu năm, nguồn vốn chủ sở hữu 39,859 tỷ đồng, bằng 101,27 % so với đầu năm. Vốn đầu tư chủ sở hữu là 32,798 tỷ đồng. Lợi nhuận trước thuế/ Vốn chủ sở hữu: 13%. Tổng nợ phải trả/ Vốn chủ sở hữu: 2,89 lần.

- Phân tích tình hình tài sản, biến động tình hình tài sản:

Năm 2020, giá trị đầu tư thực hiện (tăng tài sản): 38,915 tỷ đồng.

Giá trị TSCĐ và bất động sản đầu tư tăng: trong 2020 là: 38,915 tỷ đồng do đầu tư 20 xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất. Khấu hao đã trích trong năm 2020 là: 20,152 tỷ đồng

- Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:
- + Tổng số nợ phải trả đến 31/12/2020 : 115,482 tỷ đồng.
- Trong đó: - Nợ đến hạn : 115,482 tỷ đồng
- Nợ quá hạn (có khả năng thanh toán): Không
- + Tổng số nợ phải thu đến 31/12/2020 : 21,588 tỷ đồng.
- Trong đó: - Nợ quá hạn (có khả năng thu hồi) : Không
- Không có nợ phải thu khó đòi
- Phân tích nợ phải trả xấu, ảnh hưởng chênh lệch của tỉ lệ giá hối đoái đến kết quả hoạt động SXKD của Công ty, ảnh hưởng chênh lệch lãi vay:

3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.

Trong năm 2020, công ty đã rà soát và sửa đổi bổ sung một số quy chế ban hành trong nội bộ công ty nhằm nâng cao tính hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh và hiệu quả sử dụng vốn, cụ thể:

Sửa đổi, bổ sung ban hành các Quy chế: Quy chế quản lý và sử dụng Tài sản cố định; Quy chế quản lý Công nợ, Quy chế quản lý Đầu tư và Xây dựng, Quy chế Tuyển dụng lao động, Quy chế giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu, Nội quy lao động; Thỏa ước lao động tập thể. Các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh, nộp ngân sách, thực hiện chính sách chủ chương của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của công ty luôn được thực hiện nghiêm theo sự chỉ đạo của Tập đoàn, được các cấp đánh giá cao.

4. Kế hoạch phát triển trong tương lai

- Kế hoạch Sản xuất kinh doanh năm 2021

+ Kế hoạch SXKD

TT	CHỈ TIÊU	ĐVT	
I	Sản Lượng		
1	Vận chuyển công nhân		
	- Theo vé	Vé	5.800.000
	- Theo Tkm	Tkm	28.000.000
II	Doanh thu	Tr.đ	294.000
1	Vận chuyển công nhân	"	278.500
2	Sửa chữa	"	14.000
3	Thu khác	"	1.500
III	Chi phí	"	288.900
IV	Lợi nhuận trước thuế	"	5.100
V	Lao động BQ	Người	780
VI	Tiền lương BQ	1000đ/N/T	9.076

+ Kế hoạch cổ: 4 % trên vốn điều lệ. *ly*

+ Kế hoạch ĐT-XD

TT	TÊN CÔNG TRÌNH	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (Tr. đ)
A	TRẢ NỢ KHỎI LƯỢNG NĂM TRƯỚC			
B	KẾ HOẠCH 2021			675
B.1	DỰ ÁN CHUYỂN TIẾP			
B.2	DỰ ÁN KHỎI CÔNG MỚI			
B.3	CHUẨN BỊ DỰ ÁN			675
	Dự án nhóm C			
1	Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2021	Chiếc	20	550
2	Đầu tư XD vật thể kiến trúc khu vực Khe Ngát-TP Uông Bí năm 2021	m2	450- -550	100
3	Đầu tư mua sắm thiết bị, phần mềm năm 2021			25
C	DỰ PHÒNG			67.950
	Dự án nhóm C			
1	Đầu tư xe ô tô chở CN duy trì sản xuất năm 2021	Chiếc	20	59.950
2	Đầu tư XD vật thể kiến trúc khu vực Khe Ngát-TP Uông Bí năm 2021	m2	450- 550	6.000
3	Đầu tư mua sắm thiết bị, phần mềm năm 2021			2.000
	Tổng số (A+B)			68.625

+ Kế hoạch sửa chữa Tài sản cố định

TT	TÊN TSCĐ	ĐVT	SỐ LƯỢNG	GIÁ TRỊ (Tr đ)
1	Xe Transico	Xe	20	9.000

+ Các biện pháp chính để thực hiện:

Tập trung chỉ đạo triển khai các mục tiêu, chỉ tiêu, nhiệm vụ và giải pháp thực hiện kế hoạch SXKD năm 2021. Thực hiện nghiêm túc sự chỉ đạo điều hành của Tập đoàn. Triển khai đồng bộ các giải pháp chống lãng phí, thực hành tiết kiệm, hoàn thiện các quy định quản lý, nâng cao hiệu quả quản trị doanh nghiệp. Xây dựng, triển khai các phương án tổ chức sản xuất hợp lý, tiết kiệm, hiệu quả, nâng cao sức cạnh tranh sản phẩm dịch vụ. Tổ chức đưa đón công nhân các mỏ đảm bảo an toàn, đúng quy định, duy trì nâng cao chất lượng phục vụ. Tích cực mở rộng dịch vụ đưa đón công nhân về quê nghỉ tết, phục vụ khách tham quan du lịch, nghỉ cuối tuần, sửa chữa xe cho khách hàng tạo thêm doanh thu, việc làm, thu nhập cho người lao động.

Triển khai sớm kế hoạch Đầu tư - Xây dựng, tổ chức thực hiện đúng quy định, triệt để tiết kiệm, đảm bảo tiến độ chất lượng dự án hoàn thành có tính đến sự phát triển lâu dài của Công ty. Đẩy mạnh đầu tư áp dụng KHCN trong LĐSX, tăng năng suất lao động và chất lượng sản phẩm dịch vụ, tiết kiệm chi phí, hạ giá thành sản phẩm dịch vụ, cải thiện môi trường điều kiện làm việc và nâng cao thu nhập cho người lao động nhất là lao động lái xe chở công nhân và thợ bậc cao. Tiếp tục hoàn thiện mô hình tổ chức và đổi mới quản trị doanh nghiệp; rà soát, bố trí cơ cấu lao động các phòng ban, phân xưởng theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao. Đào tạo, phát triển nguồn nhân lực chất lượng cao đáp ứng yêu cầu phát triển sản xuất của Công ty.

5. Giải trình của Ban giám đốc đối với ý kiến kiểm toán (nếu có)

Báo cáo tài chính đã kiểm toán đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính.

6. Báo cáo đánh giá liên quan đến trách nhiệm môi trường và xã hội của công ty

a) Đánh giá liên quan đến các chỉ tiêu môi trường:

- Đối với dịch vụ đưa đón công nhân: Công ty thực hiện đúng các quy định, các cam kết về công tác bảo vệ môi trường của các khách hàng cũng như của cấp trên và các cơ quan chức năng.

- Đối với các cơ sở sản xuất của Công ty: Công ty có quy định cụ thể về công tác bảo vệ môi trường, vệ sinh công nghiệp, thu gom rác thải và các chất nguy hiểm độc hại, có cán bộ phụ trách về công tác môi trường. Công ty ký hợp đồng với công ty môi trường đô thị và các công ty thu gom xử lý nước thải, chất thải, rác thải nguy hiểm độc hại để xử lý theo quy định. Tổ chức phun nước dập bụi, trồng cây xanh cải thiện điều kiện làm việc cảnh quan môi trường.

b) Đánh giá liên quan đến vấn đề người lao động:

- Triển khai thực hiện đầy đủ, kịp thời các quy định, hướng dẫn của Nhà nước, của Tập đoàn và của Công ty về công tác TCLĐ - TL. Ban hành các văn bản quy định giao đơn giá tiền lương. Quy định về mức tiền lương, hệ số giãn cách tiền lương một số vị trí công việc và cơ chế trả lương theo vị trí việc làm, ưu tiên tiền lương cho lao động sản xuất chính (lái xe chở người). Bổ sung tiền lương nhân các dịp lễ, tết. Thực hiện đầy đủ các quy định của Nhà nước, phân cấp quản lý của Tập đoàn về chế độ chi trả bồi dưỡng độc hại, BHLĐ và mua BHXH, BHYT, BHTN cho CNLĐ theo quy định. Giải quyết trang bị BHLĐ các nhân, bồi dưỡng độc hại kịp thời, đầy đủ, đúng chế độ đối với người lao động.

Chủ động tổ chức phòng chống dịch Covid-19 theo hướng dẫn của cơ quan Y tế, của Tập đoàn và địa phương. Xây dựng, triển khai phương án giãn cách trên xe chở công nhân các mỏ. Phun thuốc khử khuẩn, trang bị dung dịch sát khuẩn tay, khẩu trang, đo thân nhiệt công nhân mỏ đi xe theo sự chỉ đạo của Tập đoàn và yêu cầu của các mỏ đảm bảo quy định phòng chống dịch Covid-19.

- Thực hiện đúng các quy định về công tác Y tế, chăm sóc sức khỏe NLD, tổ chức tốt công tác thường trực cấp cứu KCB ngoại trú cho CBCNV Công ty cả 3 vùng Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí. Tổ chức tuyên truyền phòng chống dịch bệnh, phun thuốc diệt côn trùng gây bệnh. Kiểm tra vi khí hậu môi trường lao động; lập và quản lý hồ sơ vệ sinh lao động. Tổ chức khám SKĐK cho CBCNV theo quy định, có đầy đủ hồ sơ khám SKĐK, phân loại sức khỏe, theo dõi điều trị cho công nhân có sức khỏe loại IV, loại V. Duy trì tủ thuốc ở các đơn vị, túi thuốc sơ cứu trên xe công nhân. Tổ chức phục vụ ăn giữa ca, bồi dưỡng ca 3 đảm bảo định lượng, chất lượng, an toàn VSTP.

- Thường xuyên duy trì và có nhiều biện pháp cải thiện điều kiện cơ sở vật chất tại nơi làm việc cho người lao động như: Sửa chữa cải tạo xây dựng hệ thống nhà

xưởng, nhà điều hành SX và các thiết bị phục vụ ăn, nghỉ cho công nhân cả ba vùng Cẩm Phả, Hạ Long, Uông Bí. Duy trì tốt công tác vệ sinh nhà nghỉ giữa tầm cho lái xe chở người. Thực hiện các biện pháp tăng cường ứng phó với thời tiết nắng nóng cho CBCNV. Tổ chức 01 đoàn nghỉ mát và hỗ trợ điều trị cho 46 công nhân, 01 chuyến tham quan các tỉnh phía Nam cho 44 công nhân, 01 chuyến học tập kinh nghiệm tại Phú Quốc và 01 chuyến đi Đà Nẵng cho 62 đối tượng là cán bộ từ cấp phó trở lên. Hỗ trợ xe để các phân xưởng, khối phòng ban tổ chức cho người lao động đi tham quan, nghỉ cuối tuần.

c) Đánh giá liên quan đến trách nhiệm của doanh nghiệp đối với cộng đồng địa phương và người lao động trong Công ty:

Thực hiện Nghị quyết Hội nghị NLD năm 2020 về tự nguyện đóng góp xây dựng các quỹ. Công ty đã tổ chức thăm hỏi, giúp đỡ CNLD khó khăn, tham gia các hoạt động VHHT, nhân đạo từ thiện, công tác xã hội đảm bảo đúng quy định, cụ thể:

7. Thực hiện quỹ khen thưởng, phúc lợi

TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ 01/01/2020 (Đ)	THU NĂM 2020 (Đ)	CHI NĂM 2020 (Đ)	DK DƯ ĐẾN NGÀY 31/12/2020 (Đ)
1	Quỹ khen thưởng	2.807.820	878.866.342	790.603.000	91.071.162
2	Quỹ phúc lợi	406.643.451	590.910.895	797.061.000	200.493.346

8. Trích nộp kinh phí Công đoàn:

TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ 01/01/2020 (Đ)	SỐ TRÍCH NỘP (Đ)	SỐ ĐÃ NỘP (Đ)	DK DƯ ĐẾN NGÀY 31/12/2020 (Đ)
	Kinh phí công đoàn	18.201.080	970.228.520	980.000.000	8.492.600

9. Bảo hiểm xã hội, BH Y tế, BH thất nghiệp

TT	NỘI DUNG	SỐ DƯ 01/01/2020 (Đ)	SỐ PHẢI NỘP (Đ)	SỐ ĐÃ NỘP (Đ)	DK DƯ ĐẾN NGÀY 31/12/2020 (Đ)
1	Bảo hiểm xã hội	0	12.627.320.322	12.627.477.495	- 157.173
2	Bảo hiểm Y tế	0	2.269.341.944	2.269.341.944	0
3	Bảo hiểm thất nghiệp	0	1.003.180.561	1.003.180.561	0

e) Thực hiện chỉ đạo của Tập đoàn và của địa phương, ngay từ đầu năm Công ty đã xây dựng và tổ chức phong trào thi đua, các hoạt động VHHT nhằm tạo khí thế sôi nổi trong hoạt động SXKD, cụ thể:

- Về công tác sáng kiến: Năm 2020, công tác sáng kiến đạt 50/44 đạt 114% KH với giá trị làm lợi trên 1,5 tỷ đồng, thưởng 81 triệu đồng.

- Về thực hiện công trình việc khó: Duy trì tốt phong trào đăng ký đảm nhận công trình của các đơn vị, các tổ chức đoàn thể trong công ty. Trong năm đã thực hiện 12 công trình góp phần tháo gỡ khó khăn trong sản xuất với giá trị gần 1,8 tỷ đồng.

- Thực hiện tốt phong trào thi đua đạt năng suất cao, tổ xe máy hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm 2020. Thông qua phong trào đã động viên toàn thể người lao động trong Công ty hăng hái thi đua hoàn thành tốt nhiệm vụ. Kết quả đã có 21 xe đạt năng suất cao, 15 tổ sản xuất hoàn thành xuất sắc kế hoạch năm. Tổng số tiền thưởng, khuyến khích cho các cá nhân, đơn vị có nhiều thành tích trong LĐSX là 397.430.000 đồng.

- Tổ chức thành công Đại hội đại biểu Đảng bộ công ty lần thứ XII, nhiệm kỳ 2020-2025 và tuyên truyền phục vụ Đại hội Đảng bộ Tập đoàn lần thứ III, nhiệm kỳ 2020-2025, đại hội đảng bộ tỉnh Quảng Ninh lần thứ XV, nhiệm kỳ 2020-2025. Tổ chức tham gia thi đấu giải cầu lông, cờ vua, cờ tướng cấp Tập đoàn và tham gia các hoạt động VH TT với địa phương. Triển khai kế hoạch tuyên truyền và tổ chức trang trí, khánh tiết, tuyên truyền trực quan các dịp chào mừng, kỷ niệm, lễ tết tạo không khí sôi nổi lành mạnh trong thi đua lao động sản xuất.

IV. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

1. Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Năm 2020, mặc dù công ty gặp rất nhiều khó khăn do tình hình kinh tế, thiên tai, dịch bệnh. Tuy nhiên, với sự chủ động, linh hoạt trong tổ chức điều hành sản xuất cùng sự đoàn kết thống nhất các tổ chức đoàn thể, sự nỗ lực cố gắng của các phòng ban phân xưởng. Công ty đã khắc phục được những khó khăn, duy trì ổn định sản xuất, đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập cho người lao động; bảo toàn phát triển vốn Chủ sở hữu, đảm bảo lợi nhuận, cổ tức cổ đông.

Công tác tài chính thực hiện đúng quy định, đảm bảo tài chính, thu xếp vốn đáp ứng tốt cho nhu cầu hoạt động SXKD và đầu tư của Công ty. Công tác lập kế hoạch tài chính ngắn và trung hạn, quản lý dòng tiền, nâng cao hiệu quả sử dụng vốn đều được thực hiện nghiêm túc, đồng bộ đã góp phần nâng cao năng lực công tác quản lý tài chính, nâng cao hiệu quả trong sản xuất kinh doanh. Tổ chức thực hiện kế hoạch Đầu tư - Xây dựng đúng quy định, triệt để tiết kiệm, đảm bảo tiến độ chất lượng dự án hoàn thành có tính đến sự phát triển lâu dài của Công ty. Thực hiện tốt công tác môi trường, công tác xã hội theo đúng quy định của pháp luật, của Tập đoàn và theo các yêu cầu của địa phương.

2. Đánh giá của HĐQT về hoạt động của Ban Giám đốc công ty

Ban Giám đốc Công ty đã kịp thời triển khai nghiêm túc, hiệu quả các hướng dẫn của của Tập đoàn. Triển khai đầy đủ nghiêm túc các nghị quyết, quyết định của HĐQT. Tổ chức SXKD theo đúng quy định của pháp luật, qui định của Điều lệ công ty. Tăng cường các biện pháp quản lý, tổ chức - điều hành sản xuất, tiết kiệm chi phí; tập trung nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ nhất là dịch vụ đưa đón công nhân. Giám đốc - Ban thường vụ Công đoàn Công ty đã ban hành kế hoạch phát động phong trào thi đua năm 2020 động viên toàn thể CNCB thi đua lao động sản xuất tháo gỡ khó khăn, ổn định các mặt SXKD, đời sống của người lao động. Tăng cường công tác tuyên truyền, giáo dục CNLĐ hiểu rõ những khó khăn, cơ hội phát triển của Công ty và có ý thức, trách nhiệm cùng vượt khó, phấn đấu hoàn thành tốt nhiệm vụ trên từng cương vị công tác. Qua đó, năm 2020, các mặt SXKD của công ty được an toàn, ổn định; việc làm, thu nhập, đời sống tinh thần vật chất của người lao động được đảm bảo, các mặt an toàn an ninh trật tự được giữ vững, thực hiện tốt mục tiêu kép "Vừa phòng chống dịch-Vừa đảm bảo SXKD".

3. Kế hoạch, định hướng của Hội đồng quản trị

Tăng cường các biện pháp quản trị doanh nghiệp, nâng cao hiệu quả SXKD. Đảm bảo đủ việc làm, ổn định thu nhập, cải thiện điều kiện làm việc, nâng cao đời sống tinh thần vật chất của người lao động. Bảo toàn và phát triển vốn, đảm bảo lợi nhuận, quyền lợi của cổ đông. Ưu tiên đầu tư thiết bị nâng cao chất lượng phục vụ và mở rộng dịch vụ đưa đón công nhân các đơn vị thành viên thuộc Tập đoàn và các khách hàng. Đào tạo, phát triển nâng cao chất lượng nguồn nhân lực đáp ứng yêu cầu sản xuất của công ty. Đổi mới, thu gọn, hoàn thiện cơ cấu tổ chức; rà soát, bố trí lao động theo hướng tinh gọn, hiệu quả, chủ động hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao.

Năm 2021 và những năm tiếp theo Công ty tiếp tục phát huy những thành quả mà Công ty đã đạt được trong những năm qua, sẵn sàng vượt qua những khó khăn, thách thức, tìm kiếm cơ hội tăng trưởng mở rộng sản xuất, nâng cao doanh thu, tiết kiệm chi phí, nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ. Phấn đấu xây dựng môi trường làm việc an toàn, thân thiện, hiệu quả vì sự phát triển bền vững của Công ty.

V. Quản trị công ty

1. Hội đồng quản trị

a) Thành viên và cơ cấu của Hội đồng quản trị

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2020	
			Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước	Sở hữu cá nhân
1	Ông: Bùi Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT	3.123.809 cổ phần	-
2	Ông: Phan Văn Cường	Thành viên HĐQT		1.073 cổ phần
3	Ông: Hoàng Minh Sơn	Thành viên HĐQT		1.073 cổ phần

Hội đồng quản trị gồm 03 thành viên, trong đó Chủ tịch HĐQT hoạt động kiêm nhiệm, 02 thành viên tham gia điều hành. Các thành viên HĐQT được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của HĐQT.

b) Các tiểu ban thuộc Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị không thành lập các tiểu ban trực thuộc.

c) Hoạt động của Hội đồng quản trị

Căn cứ nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, các văn bản quy định liên quan và quy chế phối hợp với Ban chấp hành đảng bộ công ty. Trong năm 2020, Hội đồng quản trị công ty đã chỉ đạo bộ máy điều hành quản lý công ty chặt chẽ, minh bạch, đúng pháp luật, điều lệ Công ty và tuân thủ các quy định của Tập đoàn. HĐQT đã chỉ đạo 01 lần Đại hội đồng cổ đông thường niên, 01 lần Đại hội đồng cổ đông bất thường. Tổ chức 17 lần họp toàn thể (có 04 lần họp thường kỳ, 13 lần họp phát sinh để giải quyết các vấn đề liên quan trong sản xuất), ban hành 56 nghị quyết, quyết định về tổ chức quản lý chỉ đạo điều hành sản xuất. Bám sát các chủ trương kế hoạch, các giải pháp chỉ đạo của Tập đoàn cũng như thực tế sản xuất của Công ty để kịp thời chỉ đạo bộ máy điều hành khắc phục khó khăn, ổn định sản xuất. Sửa đổi, bổ sung các quy chế quản lý trong nội bộ công ty nhằm nâng cao hiệu quả, hiệu lực quản trị Doanh nghiệp. Qua đó, các mặt hoạt động quản lý, sản xuất kinh doanh, thực hiện

chủ chương chính sách của Đảng, Nhà nước, bảo vệ môi trường... của công ty đạt kết quả tốt, được cấp trên đánh giá cao.

Tôn trọng quyền và nhiệm vụ của Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật, điều lệ Công ty. Tạo điều kiện thuận lợi để Ban kiểm soát thực hiện giám sát HĐQT, Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Công ty. Tiếp thu, xem xét giải quyết các kiến nghị của Ban kiểm soát để khắc phục, hoàn thiện các mặt quản lý.

Đối với tổ chức Đảng, đoàn thể: HĐQT thực hiện theo quy định tại Điều lệ công ty và tôn trọng Điều lệ của các tổ chức này và các quy định hiện hành của pháp luật. Phối hợp với tổ chức Đảng, Công đoàn trong công ty nhằm thực hiện nghiêm túc hiệu quả các chỉ thị nghị quyết, văn bản của các cấp có thẩm quyền vì mục tiêu chung của Công ty.

Giao chỉ tiêu nhiệm vụ kế hoạch SXKD năm cho Ban Giám đốc. Tiếp tục củng cố kiện toàn bộ máy lãnh đạo quản lý từ Công ty đến các phòng ban, phân xưởng. Kịp thời ra các nghị quyết và ban hành các quyết định quản lý, các biện pháp giải quyết tồn đọng, tháo gỡ những khó khăn vướng mắc và các giải pháp tổ chức, triển khai thực hiện và điều hành quản lý.

HĐQT và ban Giám đốc điều hành thường xuyên có sự phối hợp công tác, trao đổi ý kiến để giải quyết kịp thời những vấn đề phát sinh trong thực hiện nhiệm vụ, trong chấp hành luật pháp và trong các mặt công tác khác có liên quan của Công ty. Định kỳ sơ kết sản xuất kinh doanh quý, 6 tháng, năm kiểm điểm các mặt hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty chỉ ra những tồn tại hạn chế và các biện pháp chỉ đạo trọng tâm trong thời gian tới.

e) Danh sách thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ đào tạo về quản trị công ty: 100% các thành viên HĐQT đã qua các lớp học về đào tạo quản trị doanh nghiệp.

1. Ông: Bùi Hồng Quang - Chủ tịch HĐQT

- Giới tính: Nam

- Số CMTND: 022066000223 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 02/12/2015

- Ngày tháng năm sinh: 30/10/1966

- Nơi sinh : Quảng Ninh

- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu 6, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh.

- Số điện thoại: 0912073829

- Trình độ văn hoá : 10/10

- Trình độ chuyên môn: Kỹ sư hóa, Kỹ sư kinh tế, Kỹ sư khai thác mỏ

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:

+ Trưởng ban - Thành viên ban Quản lý vốn Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam; *ly*



- + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Giám định - Vinacomin
- + Chủ tịch HĐQT Công ty CP Cơ điện Uông Bí- Vinacomin
- + Chủ tịch HĐQT Tổng Công ty Công nghiệp Hóa chất mỏ-Vinacomin.
- + Chủ tịch Công ty TNHH MTV Nhôm Lâm Đồng-TKV.
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: Không
- + Sở hữu đại diện cho Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam:
3.123.809 cổ phần Chiếm: 95,24 Vốn điều lệ
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

2. Ông: Phan Văn Cường- Giám đốc - Thành viên TT HĐQT

- Giới tính : Nam
- Số căn cước công dân: 022065001534 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 13/6/2018
- Ngày tháng năm sinh: 24/01/1965
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3. Khu 6B, phường Hồng Hải, thành phố Hạ Long, tỉnh Quảng Ninh, Việt Nam
- Số điện thoại: 0913395404
- Trình độ văn hoá : 10/ 10
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Ô tô và Máy kéo
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Bí thư đảng ủy công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: 1.073. Chiếm: 0,032 Vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

3. Ông: Hoàng Minh Sơn - Phó giám đốc - Thành viên HĐQT

- Giới tính : Nam
- Số căn cước công dân: 022071002114 do Cục cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 21/5/2018
- Ngày tháng năm sinh: 10/10/1971
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam

- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 31, Hoà Lạc, phường Cẩm Bình, TP Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0912272571
- Trình độ văn hoá : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư Cơ khí Ô tô
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Không
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: 1.073. Chiếm: 0,032 Vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

2. Ban kiểm soát

a) Thành viên cơ cấu Ban kiểm soát

S TT	Họ và tên	Chức vụ	Số cổ phần sở hữu tại ngày 31/12/2020	
			Đại diện sở hữu phần vốn nhà nước	Sở hữu cá nhân
1	Ông: Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban KS	-	-
2	Ông: Nguyễn Ngọc Thành	Thành viên Ban KS		292cổ phần
3	Bà: Trịnh Thị Huệ	Thành viên Ban KS		195cổ phần

Ban Kiểm soát gồm 03 thành viên hoạt động kiêm nhiệm. Các thành viên Ban Kiểm soát được phụ trách, theo dõi từng lĩnh vực quản lý, sản xuất kinh doanh cụ thể phù hợp với năng lực, kinh nghiệm của mình theo sự phân công của Trưởng ban Kiểm soát.

1. Ông: Phạm Xuân Phong - Trưởng ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Số CMTND: 013240406
- + Ngày cấp: 23/12/2009
- + Nơi cấp : Công an TP. Hà Nội
- Ngày tháng năm sinh: 12/10/1964
- Nơi sinh : Kim Bảng, Hà Nam
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Phố Dương Quảng Hàm - Phường Quan Hoa - Quận Cầu Giấy - TP Hà Nội.
- Số điện thoại: 0912065148
- Trình độ văn hoá : 10/10
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác:
- + Phó trưởng Ban Kiểm soát nội bộ Tập đoàn CN Than - KS Việt Nam
- + Trưởng ban KS Công ty CP Than Miền trung
- + UV ban KS Công ty CP Thiết bị điện Cẩm Phả
- + UV ban KS Công ty CP Tổng Công ty Khoáng sản
- + UV ban KS Công ty CP Cơ Khí Hòn Gai
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: Không
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

2. Ông: Nguyễn Ngọc Thành - Thành viên ban Kiểm soát

- Giới tính : Nam
- Số CMTND: 100449075
- + Ngày cấp: 14/6/2010
- + Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 19/8/1968
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Địa chỉ thường trú: Tổ 3, khu 3B, phường Cẩm Trung, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0914556878
- Trình độ văn hoá : 12/ 12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư công nghệ chế tạo máy
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Quản đốc Phân xưởng vận tải số 1, công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
- + Sở hữu cá nhân: 292 Chiếm: 0,0089% Vốn điều lệ
- + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

3. Bà: Trịnh Thị Huệ - Thành viên ban Kiểm soát

- Giới tính : Nữ
- Số CMTND: 100449876
- + Ngày cấp: 30/12/2005
- + Nơi cấp : Công an tỉnh Quảng Ninh
- Ngày tháng năm sinh: 08/01/1966
- Nơi sinh : Cẩm Phả, Quảng Ninh
- Quốc tịch: Việt Nam
- Dân tộc : Kinh

- Địa chỉ thường trú: Khu Minh Tiến A, phường Cẩm Bình, Cẩm Phả, tỉnh Quảng Ninh.
- Số điện thoại: 0989129676
- Trình độ văn hoá : 10/ 10
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân Kinh tế
- Chức vụ đang nắm giữ tại tổ chức khác: Nhân viên Thống kê, công ty CP Vận tải và Đưa đón thợ mỏ - Vinacomin.
- Số lượng chứng khoán sở hữu lại tổ chức đăng ký giao dịch:
 - + Sở hữu cá nhân: 195 Chiếm: 0,0059% Vốn điều lệ
 - + Sở hữu đại diện: Không
- Sở hữu chứng khoán của người có liên quan: Không

b) Hoạt động của Ban kiểm soát

Ban Kiểm soát đại diện cho các cổ đông để kiểm soát hoạt động kinh doanh, quản trị và điều hành của Công ty, năm 2020 Ban Kiểm soát đã thực hiện nhiệm vụ với các nội dung sau:

- Kết hợp cùng với Công ty TNHH PKF Việt Nam thực hiện kiểm toán báo cáo tài chính năm 2020 và thông qua đại hội đồng cổ đông thường niên 2021.

- Xem xét các báo cáo tài chính hàng kỳ (quý, sáu tháng, chín tháng và cả năm) của Công ty, tư vấn và hướng dẫn công tác quản lý và hạch toán kế toán phù hợp với Chuẩn mực kế toán Việt Nam.

- Thực hiện kiểm soát công tác quản lý chi phí, tính giá thành và kế toán quản trị trong Công ty.

Tổng kết các cuộc họp và các công tác giám sát hoạt động sản xuất kinh doanh của Ban Kiểm soát đề xuất các biện pháp trong công tác quản lý của Công ty:

- Các thành viên của BKS đã nhận được sự tạo điều kiện thuận lợi của HĐQT, Ban Giám đốc, các Phòng Ban để hoàn thành nhiệm vụ do Đại hội đồng cổ đông giao.

c) Kết quả giám sát đối với thành viên HĐQT, thành viên Ban Giám đốc

Trong năm 2020, HĐQT đã đề ra các mục tiêu cơ bản, chỉ đạo Ban Giám đốc thực hiện các chỉ tiêu sản xuất kinh doanh và giám sát quá trình hoạt động, thực hiện các nhiệm vụ theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết của HĐQT theo đó Ban điều hành có những quyết định kịp thời góp phần mang lại hiệu quả và lợi ích cho Công ty và các cổ đông.

- Đối với HĐQT:

Trong năm 2020 HĐQT Công ty đã ban hành: 17 biên bản, 33 nghị quyết, 23 quyết định.

Các văn bản trên nội dung chủ yếu về báo cáo các quý năm 2020; kế hoạch sử dụng quỹ Khen thưởng, quỹ Phúc lợi, quỹ Ban quản lý điều hành năm 2020, ban hành hệ thống thang lương, bảng lương công ty, thông qua chủ trương xin tiếp nhận trụ sở làm việc công ty cổ phần Than Tây Nam Đá Mài-Vinacomin; các Quyết định về ban hành quy chế quản lý Công nợ, Quy chế quản lý Đầu tư và Xây dựng, Quy chế Tuyển dụng lao động, Quy chế giám sát, kiểm tra, thanh tra việc chấp hành pháp luật và tuân thủ các quyết định của Chủ sở hữu, Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2020, Đại hội đồng cổ đông bất thường năm 2020; Phê duyệt quyết toán hạng mục dự án hoàn

thành: Dự án giai đoạn 1-Đầu tư 10 xe ô tô chở công nhân năm 2019. Dự án: Đầu tư xe ô tô chở công nhân duy trì sản xuất năm 2019.

HDQT công ty đã tuân thủ pháp luật, đúng Điều lệ khi thực hiện chức năng nhiệm vụ của mình. Các Nghị quyết, quyết định của HDQT được ban hành kịp thời, đảm bảo nguyên tắc làm việc tập trung dân chủ trên cơ sở lợi ích của các cổ đông và sự phát triển của Công ty.

HDQT thực hiện đúng chức năng giám sát các hoạt động của Ban giám đốc, cán bộ quản lý và phối hợp với BKS Công ty, hệ thống kiểm toán để kiểm tra thực hiện các chỉ tiêu mà Đại hội đồng cổ đông đã đề ra.

- Đối với Ban Giám đốc:

Kiểm tra việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch, các mục tiêu theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông, HDQT Công ty và thực hiện chế độ tài chính của Nhà nước.

Kiểm tra tình hình chấp hành việc tuân thủ Luật pháp Nhà nước, các quy định của cơ quan chức năng và quy định của Công ty để thực hiện tốt kế hoạch SXKD của Công ty, nâng cao chất lượng phục vụ, chất lượng sửa chữa, phát triển nguồn nhân lực, phòng ngừa và quản lý tốt rủi ro và quản lý tốt công tác an toàn, không để xảy ra tai nạn lao động, đảm bảo an toàn vận chuyển công nhân.

d) Đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban Kiểm soát, HDQT, Ban Giám đốc.

Trong năm HDQT đã giám sát các hoạt động của Ban giám đốc và phối hợp với ban kiểm soát để chỉ đạo và điều hành nhiệm vụ SXKD của Công ty. Phối hợp chặt chẽ thường xuyên với Đảng bộ Công ty để lãnh đạo thực hiện tốt Nghị quyết của Đại hội cổ đông. Có mối quan hệ với Ban kiểm soát và Ban kiểm soát cũng được cung cấp đầy đủ tài liệu các cuộc họp của Hội đồng quản trị, thường xuyên cung cấp thông tin đến HDQT và Ban Giám đốc các phòng ban quản lý góp phần hoàn thiện công tác quản lý SXKD ngày càng tốt hơn.

đ) Phương hướng nhiệm vụ năm 2021 của Ban kiểm soát

- Phương hướng chung:

Tiếp tục phát huy vai trò của BKS: Thực hiện quyền thay mặt cổ đông để giám sát, kiểm soát hoạt động của HDQT, BGD; hoạt động kinh doanh, quản trị điều hành của Công ty, chịu sự lãnh đạo trực tiếp của Đại hội đồng cổ đông, thực hiện các quyền và nghĩa vụ theo quy định của Luật Doanh nghiệp, Điều lệ của Tổng công ty, quy chế tổ chức hoạt động của BKS và các quy định khác có liên quan;

Ban kiểm soát phấn đấu nghiên cứu, hoàn thiện kỹ năng nghiệp vụ chuyên môn, rộng hơn để đảm bảo hoạt động của BKS vừa có tính tư vấn, giám sát bảo vệ tối đa lợi ích của các cổ đông và không ảnh hưởng tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

- Một số nhiệm vụ cụ thể:

Nghiên cứu tài liệu để tham gia các cuộc họp của HDQT, các cuộc họp đột xuất liên quan trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty và có các ý kiến phát biểu, đóng góp kịp thời;

Giám sát các hoạt động của HDQT thông qua việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông, Nghị quyết các cuộc họp của HDQT, các quy chế, quy định tổ chức hoạt động ở từng lĩnh vực cụ thể của Công ty ban hành;

Kiểm soát việc thực hiện quỹ tiền lương, thực hiện lao động, thu nhập và thực hiện quyền lợi của người lao động và các hoạt động khác theo Biên bản nghị quyết

Hội nghị người lao động hàng năm và Biên bản Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên đã thông qua.

Xem xét việc ban hành hệ thống quy chế, quy định của công ty.

- Bố trí thời gian cao nhất tham gia cùng bộ phận kiểm toán và bộ phận khác thực hiện một số cuộc kiểm tra theo kế hoạch đã lập nhằm hạn chế chông chéo trong công tác kiểm tra đối với đơn vị.

- **Chứng chỉ đào tạo:** 100% các thành viên HĐQT, BKS, Ban giám đốc đi qua các lớp học về đào tạo quản trị doanh nghiệp.

3. Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc và Ban kiểm soát:

a) Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích:

Nhằm đảm bảo quyền lợi và trách nhiệm của Hội đồng quản trị, ban kiểm soát đối với việc quản trị, điều hành và kiểm soát quá trình hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Tại Đại hội cổ đông thường niên năm 2020 (ngày 24/4/2020) đã thông qua mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát theo các mức như sau:

- Mức thù lao cho các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

TT	Chức danh	Số lượng (người)	Mức lương người quản lý chuyên trách (Theo QĐ 1387/QĐ-TKV ngày 29/07/2019)	Tỷ lệ (%) hưởng thù lao	Mức thù lao hàng tháng (đồng)	Thù lao năm 2020 (đồng)
	(1)	(2)	(3)	(4)	(5) = (3)x(4)	(6) = (5) x12T
1	Chủ tịch HĐQT	01	25.700.000	20	5.140.000	61.680.000
2	Thành viên HĐQT	02	21.900.000	20	4.380.000	105.120.000
3	Trưởng BKS	01	22.900.000	20	4.580.000	54.960.000
4	Thành viên BKS	02	21.900.000	18	3.942.000	94.608.000
	Tổng số					316.368.000

* Mức hưởng thù lao của Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát làm công tác kiêm nhiệm được áp dụng tại Quyết định số 1159/QĐ-TKV ngày 31/5/2016 của Tập đoàn TKV về việc ban hành Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại các doanh nghiệp; Quyết định số 938/QĐ -TKV ngày 01/6/2018 của Tập đoàn TKV về sửa đổi, bổ sung Quy chế quản lý Người đại diện của Tập đoàn Công nghiệp Than- Khoáng sản Việt Nam tại các doanh nghiệp; Quyết định số 1387/QĐ-TKV ngày 29/7/2019 của Tập đoàn TKV về việc ban hành Hướng dẫn cơ chế trả lương áp dụng trong TKV.

- Lương, thưởng, thù lao, các khoản lợi ích tại công ty:

DVT: VND

S TT	Họ và tên	Thành phần	Thù lao /năm 2020	Tiền lương /năm 2020
1	Bùi Hồng Quang	Chủ tịch HĐQT	61.680.000	
2	Phan Văn Cường	Thành viên HĐQT	52.560.000	387.280.000
3	Hoàng Minh Sơn	Thành viên HĐQT	52.560.000	343.378.000
4	Phạm Xuân Phong	Trưởng Ban kiểm soát	54.960.000	
5	Nguyễn Ngọc Thành	Thành viên Ban kiểm soát	47.304.000	218.599.000
6	Trịnh Thị Huệ	Thành viên Ban kiểm soát	47.304.000	152.884.000
	Tổng cộng		316.368.000	997.021.000

b) Giao dịch cổ phiếu của cổ đông nội bộ: Các thành viên HĐQT, thành viên BKS, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, các cán bộ quản lý, Người phụ trách quản trị kiêm thư ký công ty, cổ đông lớn và những người liên quan tới các đối tượng nói trên chưa có giao dịch cổ phiếu.

c) Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ: Không có.

e) Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty: Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Ban Giám đốc và các cán bộ quản lý của công ty luôn tuân thủ theo quy định của pháp luật, Điều lệ công ty và các quy định của Tập đoàn Công nghiệp Than - Khoáng sản Việt Nam về quản trị công ty.

VI. Báo cáo tài chính

1. Ý kiến kiểm toán

Kiểm toán độc lập: Công ty TNHH PKF Việt Nam (địa chỉ: tầng 10, tòa nhà Center Building, Hapulico Complex, Số 01 Nguyễn Huy Tưởng, phường Thanh Xuân Trung, quận Thanh Xuân, Thành phố Hà Nội).

- Ý kiến kiểm toán độc lập: Xét trên các khía cạnh trọng yếu, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính vào ngày 31 tháng 12 năm 2020, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ trong năm tài chính kết thúc cùng ngày của công ty Cổ phần Vận tải và Đưa đón - Vinacomin, và được lập phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam hiện hành và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Nơi nhận:

- Ủy ban Chứng khoán Nhà nước;
- Sở Giao dịch chứng khoán Hà Nội;
- Thành viên HĐQT, BKS;
- Lưu VP, TK Công ty.

GIÁM ĐỐC

Phan Văn Cường